

**CÔNG TY CP XÂY LẬP
THỪA THIÊN HUẾ**

**THUA THIEN HUE
CONSTRUCTION JSC**

Số: 31 /CBTT-XL
No: 31 /CBTT-XL

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness**

*Tp. Huế, ngày 20 tháng 8 năm 2025
Hue City, August 20, 2025*

**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ
PERIODIC INFORMATION DISCLOSURE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM.

To: - State Securities Commission of Vietnam;
- Ho Chi Minh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Xây lập Thừa Thiên Huế
1. Name of organization: Thua Thien Hue Construction Joint-Stock Corporation
- Mã chứng khoán: HUB
- Stock code HUB
- Địa chỉ: 72 đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam
- Address: 72 Pham Van Dong, Vy Da Ward, Hue City, Viet Nam
- Điện thoại liên hệ: 0234. 3821510 Fax: 0234. 3825152
- Tel. : 0234.3821510
- E-mail: info@xaylaphue.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2025 đã soát xét và công văn giải trình chênh lệch LNST 6 tháng đầu năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024.

Contents of disclosure: The Reviewed Interim Consolidated Financial Statements for 2025 and an explanatory letter regarding the decrease in net profit after tax for the first half of 2025 compared to the same period in 2024.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 20/8/2025 tại đường dẫn: <http://xaylaphue.com.vn> => Quan hệ cổ đông => Báo cáo tài chính.



3. This information was published on the company's website on August 20, 2025 at in the link: <http://xaylaphue.com.vn> => Quan hệ cổ đông => Báo cáo tài chính.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

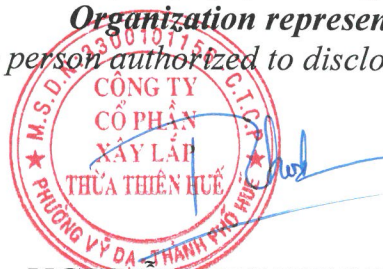
We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law./.

Tài liệu đính kèm:

Attached documents:

- BCTC hợp nhất bán niên năm 2025 đã soát xét và công văn giải trình chênh lệch LNST 6 tháng đầu năm 2025 giảm so với cùng kỳ năm 2024.
- The Reviewed Interim Consolidated Financial Statements for 2025 and an explanatory letter regarding the decrease in net profit after tax for the first half of 2025 compared to the same period in 2024.

Đại diện tổ chức
Người được ủy quyền công bố thông tin
Organization representative
The person authorized to disclose information



NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG



CÔNG TY CP XÂY LẮP
THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 119 /CV-CTXL
(V/v: Giải trình chênh lệch LNST
6 tháng đầu năm 2025 đã soát xét)

Tp. Huế, ngày 20 tháng 8 năm 2025

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh

Công ty cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (tên viết tắt HCC), mã chứng khoán HUB giải trình về việc lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 đã soát xét giảm so với cùng kỳ năm 2024:

1. Báo cáo tài chính riêng

ĐVT: Đồng

Nội dung	6 tháng năm 2025	6 tháng năm 2024	Chênh lệch	
			Tăng (+)/Giảm (-)	%
Lợi nhuận sau thuế trên BCTC riêng	44.560.539.935	52.854.297.994	- 8.293.758.059	- 15,69%

Nguyên nhân:

- Tăng chi phí tiền thuê đất hàng năm phải nộp làm giảm lợi nhuận từ hoạt động cho thuê văn phòng.
- Khoản trích lập/ hoàn nhập các khoản dự phòng trong kỳ báo cáo biến động so với cùng kỳ năm 2024 làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế.

2. Báo cáo tài chính hợp nhất

ĐVT: Đồng

Nội dung	6 tháng năm 2025	6 tháng năm 2024	Chênh lệch	
			Tăng (+)/Giảm (-)	%
Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất	28.904.334.669	34.882.315.228	- 5.977.980.559	- 17,14%

Nguyên nhân:

- Hiệu quả từ hoạt động SXKD sản phẩm đồ gỗ ngoại thất không hiệu quả do ảnh hưởng từ thị trường xuất khẩu.

- Tăng chi phí tiền thuê đất hàng năm phải nộp làm giảm lợi nhuận từ hoạt động cho thuê văn phòng.

- Khoản trích lập/ hoàn nhập dự phòng trong kỳ báo cáo biến động so với cùng kỳ năm 2024 làm ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ phận KTNB;
- Lưu VT. 



Lê Quý Định



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt
Công ty thành viên của JPA International
Địa chỉ đăng ký : 33 Phan Văn Khỏe, Phường Chợ Lớn, Tp. HCM
Chi nhánh Đà Nẵng : 16 Lê Lai, Phường Hải Châu, TP Đà Nẵng
Email : contact@vietvalues.com Website : www.vietvalues.com



BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHO KỲ KẾ TOÁN 6 THÁNG KẾT THÚC NGÀY 30 THÁNG 06 NĂM 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
1. Báo cáo của Hội đồng Quản trị	02 - 06
2. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	07 - 08
3. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2025	09 - 10
4. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	11
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	12
6. Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025	13 – 52

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế trình bày báo cáo của mình cùng với với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và 07 Công ty con (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn”) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025 đã được soát xét.

1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 05/01/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/07/2025.

Cổ phiếu của Công ty chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“HOSE”) với mã giao dịch là “HUB” theo Quyết định số 523/QĐ-SGDHCM ngày 18/12/2018.

Vốn điều lệ: 262.984.370.000 đồng

Vốn góp thực tế tính đến ngày 30/06/2025: 262.984.370.000 đồng

Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 04 công ty liên kết.

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2025					01/01/2025				
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ vốn góp
				Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp		Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, TP Huế	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100%	-	100%	-	100%	100%	-	100%	-	100%
2	Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế	Km 9, Phường Kim Trà, TP Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh VLXD	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	79,30%	-	79,30%	-	79,30%
3	Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế	Lô A1, KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, TP Huế	Sản xuất chế biến gỗ và kinh doanh vận tải đường bộ	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	94,67%	-	94,67%	-	94,67%
4	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền	Thôn Bát Sơn, Xã Lộc An, TP Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	78,98%	-	78,98%	-	78,98%
5	Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng	Số 11 Thống Nhất, Phường Hương Trà, TP Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	53,00%	-	53,00%	-	53,00%

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2025					01/01/2025				
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ vốn góp
				Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp		Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	
6	Công ty CP Gạch Tuynen Huế	132 Dạ Lê, Phường Thanh Thủy, TP Huế	Sản xuất kinh doanh gạch	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	51,42%	-	51,42%	-	51,42%
7	Công ty TNHH Gạch Tuynel số 2 Thừa Thiên Huế	Cụm tiểu thủ CN và làng nghề Thủy Phương, Phường Thanh Thủy, TP Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh vật liệu xây dựng	-	55,51%	-	70,00%	-	-	55,51%	-	70,00%	-

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2025			01/01/2025		
				Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty CP Frit Huế	Lô 1A KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, TP Huế	Sản xuất kinh doanh men frit	27,13%	27,13%	27,13%	27,13%	27,13%	27,13%
2	Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	25 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thuận Hóa, TP Huế	Xây dựng	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%
3	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	8 Kiệt 88 Nguyễn Khoa Chiêm, Phường An Cựu, TP Huế	Sản xuất kinh doanh bê tông	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%
4	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	Số 18 đường Hà Huy Giáp, Phường Võ Dạ, TP Huế	Xây dựng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

2. Trụ sở hoạt động**Trụ sở chính**

- Địa chỉ : Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam
- Điện thoại : (84) 0234.3821510
- Fax : (84) 0234.3825152
- Website www.xaylaphue.com.vn

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

4. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong năm bao gồm:

4.1 Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch	19/04/2022	
Ông Lê Quý Định	P. Chủ tịch	01/12/2021	
Ông Trần Sĩ Chương	Thành viên	28/04/2021	
Ông Lê Viết Liên	Thành viên	19/04/2022	
Ông Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên	19/04/2022	

4.2. Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng ban	19/04/2022	
Bà Dương Thị Ngọc	Thành viên	28/04/2021	
Bà Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên	19/04/2022	
Ông Lê Văn Tài	Thành viên	19/04/2022	
Ông Lê Đình Nam	Thành viên	19/04/2022	

4.3. Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc	01/12/2021	
Ông Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Phan Văn Giáo	Giám đốc	05/07/2021	
Ông Phạm Trường Lâm	Giám đốc	05/07/2021	01/01/2025
Ông Nguyễn Đức Thắng	Giám đốc	01/04/2025	
Ông Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	05/07/2021	
Bà Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	01/05/2022 01/07/2021	

5. Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Lê Quý Định	Tổng Giám đốc	01/12/2021

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

6. Đánh giá tình hình hoạt động

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ trang 09 đến trang 52.

7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 17/06/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đã có Thông báo số 1108/TB-SGDHCM về ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức bằng cổ phiếu là ngày 25/06/2025. Ngày 01/07/2025 công ty lập báo cáo số 03/BC-CTXL báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024. Ngày 31/7/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đã có Quyết định số 676/QĐ-SGDHCM về việc thay đổi đăng ký niêm yết. Theo đó, số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết là 30.242.878 cổ phiếu có hiệu lực từ ngày 04/08/2025. Công ty cũng đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 ngày 16/07/2025 với vốn điều lệ là 302.428.780.000 đồng.
- Ngày 24/06/2025, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại công ty con là Công ty cổ phần chế biến Gỗ Thừa Thiên Huế. Thời gian hoàn thành thủ tục chuyển nhượng là ngày 03/07/2025.

Ngoài ra, theo ý kiến của Hội đồng Quản trị Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào khác phát sinh từ ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

8. Kiểm toán viên

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 của Tập đoàn. Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng - **VIETVALUES** bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Tập đoàn.

9. Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng giám đốc đã:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Ban Tổng giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Ông Đoàn Hữu Thuận – Chủ tịch HĐQT Công ty đã ủy quyền cho Ông Lê Quý Định – Phó Chủ tịch HĐQT phê duyệt Báo cáo tài chính theo Giấy ủy quyền số 01/GUQ-XL-HĐQT ngày 12/03/2025. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại thời điểm ngày 30/06/2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



LÊ QUÝ ĐỊNH

P.Chủ tịch HĐQT

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 08 năm 2025



Số: 34/2025/BCKT/AUD-VVALUES

BÁO CÁO SOÁT XÉT

THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") được lập ngày 18 tháng 08 năm 2025, từ trang 9 đến trang 52, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/06/2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ngày 30/06/2025)	Số đầu năm (ngày 01/01/2025)
1	2	3	4	5
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		536.491.404.617	525.725.958.088
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	V.1	77.018.045.940	94.723.266.713
111	1. Tiền		12.933.045.940	10.429.485.391
112	2. Các khoản tương đương tiền		64.085.000.000	84.293.781.322
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		185.945.000.000	148.125.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		-	-
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	185.945.000.000	148.125.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		178.524.828.362	127.573.795.297
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	129.348.879.321	80.010.584.075
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	81.227.734.125	77.664.021.554
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.5	848.963.068	848.963.068
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.6a	16.411.966.236	15.951.114.093
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.7	(49.312.714.388)	(46.900.887.493)
140	IV. Hàng tồn kho	V.8	89.464.134.753	138.189.789.906
141	1. Hàng tồn kho		92.166.251.112	138.788.342.232
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		(2.702.116.359)	(598.552.326)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		5.539.395.562	17.114.106.172
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	1.315.648.389	907.458.228
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.223.747.173	7.073.580.862
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.10	-	9.133.067.082
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		428.445.079.451	435.325.242.264
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.235.005.858	1.064.454.267
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng		-	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	V.6b	1.235.005.858	1.064.454.267
220	II. Tài sản cố định		160.970.891.262	172.090.108.339
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.11	159.375.857.799	170.366.432.038
222	- Nguyên giá		406.823.758.254	408.798.814.735
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(247.447.900.455)	(238.432.382.697)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.12	1.595.033.463	1.723.676.301
228	- Nguyên giá		5.539.581.562	5.539.581.562
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.944.548.099)	(3.815.905.261)
230	III. Bất động sản đầu tư	V.14	46.707.140.111	48.575.764.626
231	- Nguyên giá		104.994.428.351	104.848.333.397
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(58.287.288.240)	(56.272.568.771)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.534.844.336	402.368.636
241	1. Chi phí SXKD dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.13	1.534.844.336	402.368.636
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	V.15	191.833.162.262	186.315.545.675
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		190.710.588.572	185.192.971.985
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		1.122.573.690	1.122.573.690
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		-	-
260	VI. Tài sản dài hạn khác		26.164.035.622	26.877.000.721
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	22.919.383.545	23.017.373.455
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		3.244.652.077	3.859.627.266
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		964.936.484.068	961.051.200.352

CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2025

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ (ngày 30/06/2025)	Số đầu năm (ngày 01/01/2025)
1	2	3	4	5
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		331.744.993.999	346.432.187.952
310	I. Nợ ngắn hạn		168.412.747.578	171.351.674.519
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.16	29.007.041.792	28.625.210.678
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.17	16.464.257.859	19.917.861.452
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.10	9.584.042.174	5.205.037.032
314	4. Phải trả người lao động	V.18	7.656.734.394	17.910.884.205
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.19	1.136.877.231	533.996.859
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.20a	21.669.845.996	5.234.076.936
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.21a	52.514.577.296	53.564.661.083
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.22a	1.783.509.376	16.237.866.973
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	V.23a	12.392.816.673	12.701.108.718
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.24	16.203.044.787	11.420.970.583
330	II. Nợ dài hạn		163.332.246.421	175.080.513.433
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	V.20b	132.510.824.368	99.364.275.014
337	2. Phải trả dài hạn khác	V.21b	18.924.464.158	14.707.591.133
338	3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.22b	106.075.150	48.635.020.516
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		2.297.495.018	2.297.495.018
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn	V.23b	9.493.387.727	10.076.131.752
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		633.191.490.069	614.619.012.400
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.25	633.191.490.069	614.619.012.400
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		262.984.370.000	262.984.370.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		262.984.370.000	262.984.370.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		-	-
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		28.902.280.000	28.902.280.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		40.209.196.892	28.808.769.892
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		261.447.398.365	253.241.730.169
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		235.348.190.250	185.373.705.395
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		26.099.208.115	67.868.024.774
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		39.648.244.812	40.681.862.339
430	II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		964.936.484.068	961.051.200.352

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Huế, ngày 18 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám Đốc

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

LÊ QUÝ ĐỊNH

CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	158.363.066.936	165.426.360.369
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		158.363.066.936	165.426.360.369
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	122.562.891.147	127.282.109.027
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		35.800.175.789	38.144.251.342
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	5.334.067.157	5.897.957.752
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	1.384.219.543	819.040.127
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.384.219.543	818.180.497
24	8. Phần lỗ hoặc lãi trong công ty liên doanh, liên kết		16.840.678.587	11.639.220.322
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	2.862.863.715	2.149.916.914
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	18.740.202.807	8.163.482.652
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		34.987.635.468	44.548.989.723
31	12. Thu nhập khác	VI.8	1.841.763.660	1.794.779.798
32	13. Chi phí khác	VI.9	2.597.212.572	5.099.422.992
40	14. Lợi nhuận khác		(755.448.912)	(3.304.643.194)
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		34.232.186.556	41.244.346.529
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.10	4.712.876.698	6.360.625.212
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	V.10	614.975.189	1.406.089
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		28.904.334.669	34.882.315.228
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		26.099.208.115	32.986.407.161
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.805.126.554	1.895.908.067
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	913	1.007
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.11	913	1.007

Người lập biểu

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

Kế toán trưởng

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

TP. Huế, ngày 18 tháng 08 năm 2025



Tổng Giám Đốc

LÊ QUÝ ĐỊNH

CÔNG TY CP XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Địa chỉ: Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025

ĐVT: VNĐ

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1	2	3	4	5
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	1. Lợi nhuận trước thuế		34.232.186.556	41.244.346.529
	2. Điều chỉnh cho các khoản			-
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.11, V.12, V.14	12.523.375.484	7.743.768.036
03	- Các khoản dự phòng	V.7, V.8, V.23	3.624.354.858	690.564.947
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	VI.4	(6.443.380)	(27.720.267)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	VI.4, VI.8	(5.340.143.434)	(6.014.440.283)
06	- Chi phí lãi vay	VI.5	1.384.219.543	818.180.497
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		46.417.549.627	44.454.699.459
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(46.450.680.056)	442.144.482
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		46.622.091.120	3.140.385.703
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		45.177.957.438	24.031.841.592
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(310.200.251)	(189.062.361)
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả	VI.5, V.19	(1.395.654.944)	(793.602.446)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.10	(4.670.119.393)	(9.230.941.881)
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		(2.240.238.796)	(2.200.302.420)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		83.150.704.745	59.655.162.128
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(1.465.216.909)	(7.107.365.061)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		868.181.818	200.000.000
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(142.500.000.000)	(155.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		104.680.000.000	197.400.000.000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.647.429.290	7.803.174.741
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(33.769.605.801)	42.795.809.680
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay	VII.1	-	39.593.590.464
34	2. Tiền trả nợ gốc vay	VII.2	(62.983.302.963)	(15.468.760.797)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.21, V.25	(4.103.232.000)	(28.842.225.525)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(67.086.534.963)	(4.717.395.858)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(17.705.436.019)	97.733.575.950
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		94.723.266.713	52.088.847.352
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		215.246	33.584.352
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	77.018.045.940	149.856.007.654

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP Huế, ngày 18 tháng 08 năm 2025

Tổng Giám Đốc

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

LÊ THỊ KHÁNH VÂN

LÊ QUÝ ĐỊNH

Báo cáo này được đọc kèm với thuyết minh báo cáo tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời và phải được đọc kèm với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và 07 Công ty con (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn") cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế (sau đây gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được cổ phần hóa từ Công ty Xây lắp Thừa Thiên Huế theo Quyết định số 2660/QĐ-UBND ngày 23/12/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3300101156 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thừa Thiên Huế cấp lần đầu vào ngày 05/01/2011, Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành có liên quan. Từ ngày thành lập đến nay, Công ty đã 14 lần điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và lần điều chỉnh gần nhất vào ngày 16/07/2025.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là xây dựng, sản xuất vật liệu xây dựng và kinh doanh bất động sản.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình dân dụng, các công trình công nghiệp, công cộng thể thao, giao thông, thủy lợi và hạ tầng kỹ thuật;
- Tư vấn và giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện các công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông và thủy lợi;
- Kinh doanh bất động sản, cơ sở hạ tầng khu công nghiệp và dân cư;
- Sản xuất vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh và khai thác đá, cát, sỏi;
- Sản xuất các sản phẩm từ gỗ.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường đối với các hoạt động của Tập đoàn thường kéo dài không quá 12 tháng. Riêng đối với hoạt động xây lắp và hoạt động kinh doanh bất động sản thì chu kỳ kinh doanh có thể kéo dài quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Do nền kinh tế vẫn còn nhiều khó khăn, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng vẫn chưa đi vào ổn định nên doanh thu hoạt động xây lắp kỳ này giảm. Tuy nhiên, nhu cầu xây dựng dân dụng kỳ này tăng hơn dẫn sản lượng gạch tiêu thụ tăng so với kỳ

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

trước. Tổng hợp các yếu tố thị trường của từng hoạt động làm cho doanh thu Tập đoàn giảm 4,3%. Ngoài ra, kỳ trước Tập đoàn cũng thu hồi công nợ khó đòi đã trích lập dự phòng từ các năm trước làm cho chi phí quản lý doanh nghiệp kỳ trước giảm mạnh hơn. Điều này làm cho lợi nhuận kế toán trước thuế của Tập đoàn kỳ này giảm hơn kỳ trước 17%.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác về môi trường pháp lý, diễn biến thị trường, đặc điểm hoạt động kinh doanh, quản lý, tài chính, sự kiện sáp nhập, chia tách,...có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất kỳ này.

6. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30/06/2025, Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ, 07 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ và 04 công ty liên kết.

Số lượng các công ty con: 07

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 07

Công ty con được hợp nhất

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2025					01/01/2025				
				Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ biểu quyết		Tỷ lệ vốn góp
				Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp		Trực tiếp	Gián tiếp	Trực tiếp	Gián tiếp	
1	Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp	KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, TP Huế	Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp	100%	-	100%	-	100%	100%	-	100%	-	100%
2	Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế	Km 9, Phường Kim Trà, TP Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh VLXD	79,30%	-	79,30%	-	79,30%	79,30%	-	79,30%	-	79,30%
3	Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế	Lô A1, KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, TP Huế	Sản xuất chế biến gỗ và kinh doanh vận tải đường bộ	94,67%	-	94,67%	-	94,67%	94,67%	-	94,67%	-	94,67%
4	Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền	Thôn Bát Sơn, Xã Lộc An, TP Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	78,98%	-	78,98%	-	78,98%	78,98%	-	78,98%	-	78,98%
5	Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bàng	Số 11 Thống Nhất, Phường Hương Trà, TP Huế	Chế biến và kinh doanh đá xây dựng	53,00%	-	53,00%	-	53,00%	53,00%	-	53,00%	-	53,00%
6	Công ty CP Gạch Tuynen Huế	132 Dạ Lê, Phường Thanh Thủy, TP Huế	Sản xuất kinh doanh gạch	51,42%	-	51,42%	-	51,42%	51,42%	-	51,42%	-	51,42%
7	Công ty TNHH Gạch Tuynel số 2 Thừa Thiên Huế	Cụm tiểu thủ CN và làng nghề Thủy Phương, Phường Thanh Thủy, TP Huế	Sản xuất gạch và kinh doanh vật liệu xây dựng	-	55,51%	-	70,00%	-	-	55,51%	-	70,00%	-

Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu:

STT	Tên Công ty	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh chính	30/06/2025			01/01/2025		
				Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Tỷ lệ vốn góp
1	Công ty CP Frit Huế	Lô 1A KCN Phú Bài, Phường Phú Bài, TP Huế	Sản xuất kinh doanh men frit	27,13%	27,13%	27,13%	27,13%	27,13%	27,13%
2	Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	25 Nguyễn Văn Cừ, Phường Thuận Hóa, TP Huế	Xây dựng	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%	48,76%
3	Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	8 Kiệt 88 Nguyễn Khoa Chiêm, Phường An Cựu, TP Huế	Sản xuất kinh doanh bê tông	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%	48,00%
4	Công ty CP Xây dựng và Đầu tư Phát triển Hạ tầng TTH	Số 18 đường Hà Huy Giáp, Phường Võ Dạ, TP Huế	Xây dựng	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%	30,00%

7. Nhân viên

Tại ngày 30/06/2025, Tập đoàn có 574 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31/12/2024 là 579 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho kỳ kế toán 6 tháng từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/06/2025.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2025, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

2a. Hợp nhất với Công ty con

Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 bao gồm Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 của công ty mẹ là Công ty Cổ phần Xây lắp Thừa Thiên Huế và Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 của các công ty con (07 công ty con) là Công ty TNHH MTV Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Khu công nghiệp, Công ty CP Gạch Tuynen số 1 Thừa Thiên Huế, Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế, Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền, Công ty CP Khai thác Đá và Xây dựng Hương Bằng, Công ty CP Gạch Tuynen Huế và Công ty TNHH Gạch Tuynen số 2 Thừa Thiên Huế. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2025 (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

2b. Hợp nhất với Công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này. Các khoản đầu tư vào Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Lợi nhuận của Tập đoàn được chia sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

Các khoản lãi hoặc lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Công ty với các bên liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Công ty trong các bên liên doanh, liên kết. Các chính sách kế toán của các bên liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tập đoàn áp dụng.

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển, vàng tiền tệ.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi: Là khoản dự phòng phần giá trị các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi.

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu khi:

- Nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu được. Việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định là khó đòi phải trích lập dự phòng được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên;
- Nợ phải thu chưa đến thời hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn
- Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi thực hiện theo đánh giá khả năng thu hồi của Ban Tổng Giám đốc và hội đồng đánh giá của công ty.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng thành phẩm bất động sản.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí chung.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Chi phí trả trước khác

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng không quá 36 tháng.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 – 30
Máy móc và thiết bị	03 – 20
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị dụng cụ quản lý	8
Vườn cây lâu năm	10

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Quyền sử dụng đất lâu dài. Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định vô hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Phần mềm máy tính	6
Quyền khai thác mỏ	15 – 20

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Riêng các bất động sản đầu tư chờ tăng giá để bán được phản ánh theo giá ghi sổ sau khi trừ đi phần tổn thất do giảm giá trị.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Chính sách khấu hao bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện nhất quán với chính sách khấu hao tài sản cố định cùng loại của Công ty. Theo đó, bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động thực hiện khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Mức khấu hao được tính dựa vào nguyên giá và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian khấu hao như sau:

<u>Loại tài sản</u>	<u>Số năm/Năm nay</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	4 – 25

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

12. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

13. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện được ghi nhận khi Công ty nhận trước tiền cho một hoặc nhiều kỳ kế toán đối với các dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng.

Doanh thu chưa thực hiện được phân bổ theo số kỳ mà Công ty đã nhận tiền trước.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hằng năm.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- ✓ Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- ✓ Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- ✓ Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu từ cho thuê bất động sản

Doanh thu từ cho thuê bất động sản đầu tư theo hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại.

18. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, thành phẩm và chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn hàng bán.

19. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm các khoản chi phí hoặc lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính và đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán và dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh.

20. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Báo cáo theo bộ phận

- Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.
- Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (đơn vị tính: VNĐ)**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	479.694.018	117.605.576
Tiền gửi ngân hàng	12.453.351.922	10.311.879.815
Các khoản tương đương tiền (*)	64.085.000.000	84.293.781.322
Cộng	<u>77.018.045.940</u>	<u>94.723.266.713</u>

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại. Chi tiết:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	19.500.000.000	1.800.000.000
Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT Việt Nam	-	1.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	23.500.000.000	58.500.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	5.000.000.000	15.003.781.322
Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	5.085.000.000	2.990.000.000
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	9.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Bắc Á	2.000.000.000	5.000.000.000
Cộng	<u>64.085.000.000</u>	<u>84.293.781.322</u>

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Giá trị ghi sổ</u>
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng đến dưới 12 tháng	185.945.000.000	185.945.000.000	148.125.000.000	148.125.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội (SHB)	48.900.000.000	48.900.000.000	49.800.000.000	49.800.000.000
- Ngân hàng TMCP Đại chúng (PV)	4.000.000.000	4.000.000.000	13.500.000.000	13.500.000.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế (VIB)	1.000.000.000	1.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương VN	65.700.000.000	65.700.000.000	55.825.000.000	55.825.000.000
- Ngân hàng NN & PTNT Việt Nam	9.000.000.000	9.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	30.000.000.000	30.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển VN	9.000.000.000	9.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Bắc Á	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000	8.000.000.000
- Ngân hàng TMCP Nam Á	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam	4.345.000.000	4.345.000.000	-	-
Cộng	<u>185.945.000.000</u>	<u>185.945.000.000</u>	<u>148.125.000.000</u>	<u>148.125.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỬA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Không có khoản tiền gửi có kỳ hạn nào được cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2025.

3. Phải thu khách hàng ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	36.379.839.712	2.916.197.300
- Công ty CP Xây dựng và ĐTVT Hạ tầng TTH	573.884.173	573.884.173
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTH	2.825.294.451	2.342.313.127
- Công ty CP Frit Huế	32.979.844.774	-
Phải thu các khách hàng khác	92.969.039.609	77.094.386.775
- Công ty CP Đầu tư Sunrise	3.421.582.000	3.421.582.000
- Công ty CP Kỹ nghệ Lạnh	4.314.912.679	4.314.912.679
- Công ty CP Aninvest	25.266.690.648	19.617.845.631
- Công ty CP Đầu tư XD TM và CN Hà Nội	9.834.349.716	5.365.377.643
- Công ty CP Apec Land Huế	5.072.922.212	5.037.304.791
- Công ty TNHH Song Thiên Long	605.455.138	1.277.171.799
- Công ty CP Tiếp Vận Phú Bài	3.332.054.686	2.342.461.200
- Noble House Home Furnishings LLC Sample Order	1.859.210.780	1.859.210.780
- Công ty TNHH MTV Dịch vụ Xây dựng Long Phụng	1.075.715.503	809.194.503
- Các khách hàng khác	38.186.146.247	33.049.325.749
Cộng	129.348.879.321	80.010.584.075

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	73.861.716.156	73.799.962.186
- Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	73.792.190.407	73.792.190.407
- Công ty CP Frit Huế	69.525.749	7.771.779
Trả trước cho người bán khác	7.366.017.969	3.864.059.368
- Công ty TNHH MTV Xây dựng Phúc Thành	1.558.698.000	1.558.698.000
- Công ty TNHH Mai Anh	3.207.182.000	-
- Công ty TNHH TB An ninh PCCC Thiên Lộc	563.373.794	1.349.252.909
- Các đối tượng người bán khác	2.036.764.175	956.108.459
Cộng	81.227.734.125	77.664.021.554

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay các bên liên quan	848.963.068	848.963.068
- Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	848.963.068	848.963.068
Phải thu về cho vay các đối tượng khác	-	-
Cộng	848.963.068	848.963.068

Cho Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế vay theo hợp đồng vay vốn số 01-2016/HĐVV-CTXL ngày 20/01/2016. Mục đích cho vay là ứng vốn thi công công trình thầu phụ, số tiền vay sẽ được hoàn trả khi chủ đầu tư thanh toán tiền. Lãi suất cho vay tương ứng với lãi suất vay vốn của ngân hàng thương mại tại từng thời điểm.

6. Phải thu khác**a. Ngắn hạn**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	-	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	16.352.481.313	(4.153.407.515)	15.908.013.210	(4.153.407.515)
- Ban đầu tư và Xây dựng TP Huế	8.578.450.000	-	8.578.450.000	-
- Phải thu nhân viên tiền nhiệm	4.153.407.515	(4.153.407.515)	4.153.407.515	(4.153.407.515)
- Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	2.192.727.728	-	1.570.988.085	-
- Các đối tượng khác	1.427.896.070	-	1.605.167.610	-
Tạm ứng CBCNV	59.484.923	-	43.100.883	-
Cộng	16.411.966.236	(4.153.407.515)	15.951.114.093	(4.153.407.515)

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ký cược ký quỹ dài hạn	1.235.005.858	-	1.064.454.267	-
Ký quỹ cải tạo phục hồi môi trường	1.235.005.858	-	1.064.454.267	-
Cộng	1.235.005.858	-	1.064.454.267	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**7. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần Apec Land Huế	2.023.024.835	4.026.177.138
Công ty Cổ phần Aninvest	13.830.316.380	10.068.986.267
Công ty CP Đầu tư IMG Huế	1.959.840.312	1.959.840.312
Công ty cổ phần Kỹ nghệ Lạnh	4.314.912.679	4.314.912.679
Công ty cổ phần Đầu tư Sunrise	3.421.582.000	3.421.582.000
Công ty CP Đầu tư Sao Phương Nam	1.121.826.146	1.223.454.146
Nguyễn Hùng	2.503.000.000	2.503.000.000
Noble House Home Furnishings LLC	1.859.210.780	929.605.390
Các đối tượng khác	18.279.001.256	18.453.329.561
Cộng	49.312.714.388	46.900.887.493

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	46.900.887.493	57.068.504.128
Trích lập dự phòng	5.063.518.766	7.088.686.616
Hoàn nhập dự phòng	(2.651.691.871)	(16.055.269.727)
Số cuối kỳ	49.312.714.388	48.101.921.017

8. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	15.394.252.374	-	17.415.021.399	-
Công cụ, dụng cụ	1.029.844.506	-	1.142.920.728	-
Chi phí SXKD dở dang	64.986.736.663	-	87.410.006.868	-
Thành phẩm	10.496.827.750	(2.702.116.359)	32.517.800.154	(598.552.326)
Hàng hóa	258.589.819	-	302.593.083	-
Cộng	92.166.251.112	(2.702.116.359)	138.788.342.232	(598.552.326)

- Không có hàng tồn kho kém phẩm chất, ứ đọng tại ngày 30/06/2025
- Không có hàng tồn kho thế chấp, cầm cố các khoản vay tại ngày 30/06/2025

Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu là: than cám, đất sét,....

Thành phẩm tồn kho chủ yếu là: gạch, đá các loại, các sản phẩm từ gỗ,....

Chi tiết chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự án Khu nhà ở Tam Thai	33.988.382.064	33.988.382.064
Văn phòng làm việc cơ quan đơn vị Tỉnh TTH (Gói 33)	14.440.209.351	25.968.644.846
Văn phòng cơ quan các đơn vị Tỉnh TTH (Gói thầu 16)	5.186.948.978	5.186.948.978
Dự án Resort The Anam Boutique	3.269.684.189	3.269.684.189
Khối nhà ở thấp tầng GĐ2 (Khu D). HM: 28 căn LKV19	1.325.633.963	3.238.773.069
Khu ĐT Phú Mỹ An. HM Đơn nguyên Block A (8 căn) thuộc Khu B1-B	-	3.907.447.560
Khách sạn Đông Dương	-	2.550.277.287
Các công trình khác	6.775.878.118	9.299.848.875
Cộng	<u>64.986.736.663</u>	<u>87.410.006.868</u>

9. Chi phí trả trước**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê đất hạ tầng	657.220.628	53.672.919
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	277.672.898	178.992.030
Chi phí trả trước chờ phân bổ	380.754.863	674.793.279
Cộng	<u>1.315.648.389</u>	<u>907.458.228</u>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số dư đầu năm	907.458.228	558.314.007
Tăng trong kỳ	1.990.191.031	2.474.635.722
Phân bổ trong kỳ	(1.582.000.870)	(1.329.869.631)
Số dư cuối kỳ	<u>1.315.648.389</u>	<u>1.703.080.098</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền thuê đất KCN Phú Bài	7.727.568.005	7.570.928.111
Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	8.312.621.304	8.340.374.430
Tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	4.796.336.121	4.453.258.300
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	487.957.179	473.032.686
Chi phí khác chờ phân bổ	1.594.900.936	2.179.779.928
Cộng	<u>22.919.383.545</u>	<u>23.017.373.455</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn**

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu năm	23.017.373.455	23.531.136.392
Tăng trong kỳ	1.599.329.964	708.285.956
Phân bổ trong kỳ	(1.697.319.874)	(1.663.989.686)
Số dư cuối kỳ	22.919.383.545	22.575.432.662

10. Thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	543.129.169	104.717.606	12.766.321.699	9.630.685.086	3.574.048.176	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.309.683.748	28.349.476	4.712.876.698	4.670.119.393	4.324.091.577	-
Thuế thu nhập cá nhân	102.305.954	-	1.656.043.783	1.540.049.965	218.299.772	-
Thuế tài nguyên	59.158.890	-	927.139.985	829.877.199	156.421.676	-
Thuế nhà đất	2.093.288	-	3.961.445.066	2.714.728.998	1.248.809.356	-
Các loại thuế khác	-	-	27.402.835	27.402.835	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (*)	188.665.983	9.000.000.000	1.029.435.715	(7.844.269.919)	62.371.617	-
Cộng	5.205.037.032	9.133.067.082	25.080.665.781	11.568.593.557	9.584.042.174	-

(*) Là số tiền tạm ứng vào Ngân sách Nhà nước về phí sử dụng đất cho UBND Thị xã Hương Thủy đến nay đã thu hồi lại.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Đối với hoạt động xây dựng: Áp dụng thuế suất thuế GTGT là 10%. Bắt đầu từ ngày 01/01/2025, Công ty áp dụng thuế suất thuế GTGT là 8% theo quy định tại Nghị định 180/2024/NĐ-CP ngày 31/12/2024 của Chính phủ.

Các hoạt động khác áp dụng theo thuế suất hiện hành.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng thuế suất thuế TNDN là 20%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	34.232.186.556	41.244.346.529
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán:	(10.689.891.120)	(9.441.219.615)
- Các khoản điều chỉnh tăng	9.107.632.699	2.502.149.560
+ <i>Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành</i>	635.000.000	634.200.000
+ <i>Các khoản phạt vi phạm hành chính</i>	40.331.064	11.578.106
+ <i>Dự phòng cải tạo, phục hồi môi trường</i>	45.609.855	43.348.592
+ <i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi chưa đủ điều kiện</i>	992.605.390	-
+ <i>Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ trước</i>	27.720.267	-
+ <i>Chi phí không hợp lệ khác</i>	518.820.757	476.402.556
+ <i>Lỗ tại công ty con</i>	6.847.545.366	1.336.620.306
- Các khoản điều chỉnh giảm	(19.797.523.819)	(11.943.369.175)
+ <i>Tiền trợ cấp thôi việc</i>	(374.217.446)	(69.455.800)
+ <i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi đủ điều kiện</i>	(2.444.955.396)	(23.879.933)
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận được chia</i>	(113.400.000)	(176.400.000)
+ <i>Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ</i>	(24.272.390)	(34.413.120)
+ <i>Lợi nhuận từ công ty liên kết</i>	(16.840.678.587)	(11.639.220.322)
Thu nhập chịu thuế	23.542.295.436	31.803.126.914
Thu nhập được miễn thuế	-	-
Lỗ các năm trước được chuyển	-	-
Thu nhập tính thuế	23.542.295.436	31.803.126.914
Chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	4.708.459.088	6.360.625.212
Chi phí thuế TNDN truy thu năm trước	4.417.610	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	4.712.876.698	6.360.625.212

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại trong kỳ:

	Kỳ này	Kỳ trước
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	488.991.079	4.775.987
Dự phòng cải tạo môi trường rừng	(9.121.970)	(8.669.718)
Dự phòng trợ cấp thôi việc	135.106.080	13.891.160
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ	-	17.062.333
Chi phí cấp quyền khai thác khoáng sản	-	(25.653.673)
Cộng	614.975.189	1.406.089

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	P.tiền vận tài truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Vườn cây lâu năm	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	293.934.144.309	84.214.036.832	26.784.476.592	1.614.142.014	2.252.014.988	408.798.814.735
Tăng trong kỳ	-	260.000.000	37.656.000	106.700.000	-	404.356.000
+ Do mua sắm	-	260.000.000	37.656.000	106.700.000	-	404.356.000
Giảm trong kỳ	(248.061.392)	(324.970.100)	(1.802.413.384)	-	(3.967.605)	(2.379.412.481)
+ Do T/lý, nhượng bán	(43.416.205)	(320.075.260)	(1.798.211.271)	-	-	(2.161.702.736)
+ Giảm khác	(204.645.187)	(4.894.840)	(4.202.113)	-	(3.967.605)	(217.709.745)
Số cuối kỳ	293.686.082.917	84.149.066.732	25.019.719.208	1.720.842.014	2.248.047.383	406.823.758.254
Trong đó:						
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	101.073.453.925	52.313.238.439	13.676.480.899	1.614.142.014	-	168.677.315.277
- Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	149.833.346.469	67.064.694.894	19.854.827.034	1.614.142.014	65.372.286	238.432.382.697
Khấu hao trong kỳ	7.959.625.030	1.681.609.413	623.731.636	4.604.612	110.442.486	10.380.013.177
Giảm trong kỳ	(40.490.109)	(320.075.260)	(1.003.930.050)	-	-	(1.364.495.419)
+ Do T/lý, nhượng bán	(40.490.109)	(320.075.260)	(1.003.930.050)	-	-	(1.364.495.419)
Số cuối kỳ	157.752.481.390	68.426.229.047	19.474.628.620	1.618.746.626	175.814.772	247.447.900.455
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	144.100.797.840	17.149.341.938	6.929.649.558	-	-	170.366.432.038
Số cuối kỳ	135.933.601.527	15.722.837.685	5.545.090.588	102.095.388	2.072.232.611	159.375.857.799

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã được sử dụng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại ngày 30/06/2025 là 4.586.345.324 đồng (Xem Thuyết minh V.22).

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất**12. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Quyền khai thác mỏ	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	342.530.000	791.750.000	4.405.301.562	5.539.581.562
Tăng trong kỳ	-	-	-	-
+ Do mua sắm	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	342.530.000	791.750.000	4.405.301.562	5.539.581.562
Trong đó:				
- Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	692.000.000	-	692.000.000
- Chờ thanh lý	-	-	-	-
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	696.156.250	3.119.749.011	3.815.905.261
Khấu hao trong kỳ	-	4.987.500	123.655.338	128.642.838
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	701.143.750	3.243.404.349	3.944.548.099
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	342.530.000	95.593.750	1.285.552.551	1.723.676.301
Số cuối kỳ	342.530.000	90.606.250	1.161.897.213	1.595.033.463

Là quyền sử dụng đất lâu dài tại D1-3, Khu Phố Hưng Vượng 2 – R13, Phường Tân Phong, Quận 7, TP Hồ Chí Minh, được sử dụng để làm văn phòng đại diện tại TP Hồ Chí Minh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển tăng TSCĐ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
- Hệ thống PCCC, đèn Exit	208.333.333	870.015.049	-	-	1.078.348.382
- Các công trình khác	194.035.303	285.394.523	-	(22.933.872)	456.495.954
Cộng	402.368.636	1.155.409.572	-	(22.933.872)	1.534.844.336

14. Bất động sản đầu tư

	Tòa nhà 28 Lý Thường Kiệt	Tòa nhà 9 Phạm Văn Đồng	Tòa nhà 23 Hà Nội	Tòa nhà 30 Hùng Vương	Tòa nhà 52 Phan Chu Trinh	Nhà xưởng cho thuê tại KCN	Cộng
Nguyên giá							
Số đầu năm	51.929.686.683	21.621.198.150	4.131.676.382	6.106.944.556	707.519.002	20.351.308.624	104.848.333.397
Tăng trong kỳ	109.414.500	36.680.454	-	-	-	-	146.094.954
+ Do mua sắm	109.414.500	36.680.454	-	-	-	-	146.094.954
+ Do XDCB h/thành	-	-	-	-	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	52.039.101.183	21.657.878.604	4.131.676.382	6.106.944.556	707.519.002	20.351.308.624	104.994.428.351
Khấu hao lũy kế							
Số đầu năm	31.607.597.447	14.177.575.827	3.461.741.062	4.364.853.686	486.682.364	2.174.118.385	56.272.568.771
Khấu hao trong kỳ	995.398.281	383.508.238	82.606.476	101.905.584	14.095.950	437.204.940	2.014.719.469
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	32.602.995.728	14.561.084.065	3.544.347.538	4.466.759.270	500.778.314	2.611.323.325	58.287.288.240
Giá trị còn lại							
Số đầu năm	20.322.089.236	7.443.622.323	669.935.320	1.742.090.870	220.836.638	18.177.190.239	48.575.764.626
Số cuối kỳ	19.436.105.455	7.096.794.539	587.328.844	1.640.185.286	206.740.688	17.739.985.299	46.707.140.111

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Thu nhập từ hoạt động cho thuê	9.645.694.143	10.568.443.634
Giá vốn hoạt động cho thuê	4.272.966.351	2.022.351.509
Lãi gộp hoạt động cho thuê	5.372.727.792	8.546.092.125

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ
Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ	Giá gốc	Tỷ lệ	Giá gốc
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		25.837.419.095		25.837.419.095
Công ty CP Frit Huế	27,13%	9.847.128.302	27,13%	9.847.128.302
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	48,76%	9.157.581.000	48,76%	9.157.581.000
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	48,00%	5.533.052.714	48,00%	5.533.052.714
Công ty CP Xây dựng và Đầu tư PTHT TT Huế	30,00%	1.299.657.079	30,00%	1.299.657.079
Đầu tư dài hạn khác		1.122.573.690		1.122.573.690
Công ty CP Long Thọ	3,84%	1.122.573.690	3,84%	1.122.573.690
Cộng		26.959.992.785		26.959.992.785

Giá trị khoản đầu tư vào Công ty liên kết như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá gốc khoản đầu tư	25.837.419.095	
	25.837.419.095	25.837.419.095

Biến động trong đầu tư vào Công ty liên kết theo phương pháp vốn chủ sở hữu

	Công ty CP Frit Huế	Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTH	Công ty CP XD và ĐT PTHT TTH	Tổng cộng
Tại ngày 01/01/2025	159.581.943.281	23.334.039.946	2.276.988.758	185.192.971.985
Lợi nhuận từ công ty liên kết	13.563.900.000	3.919.752.507	-	17.483.652.507
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(7.867.062.000)	(3.456.000.000)	-	(11.323.062.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(108.511.200)	(534.462.720)	-	(642.973.920)
Tại ngày 30/06/2025	165.170.270.081	23.263.329.733	2.276.988.758	190.710.588.572

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**16. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	6.598.247.761	7.818.831.148
- Công ty CP Bê tông và Xây dựng TTHuế	4.041.210.362	5.263.871.362
- Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	2.510.343.786	2.510.343.786
- Công ty Cổ phần Frit Huế	2.077.613	-
- Công ty CP Kinh doanh Nhà TT Huế	44.616.000	44.616.000
Phải trả các người bán khác	22.408.794.031	20.806.379.530
- Công ty CP SX&TM Phước Bình	4.348.445.156	4.045.101.302
- Công ty TNHH TM và XD Tâm Hoài	1.132.021.783	-
- Công Ty TNHH MTV Anh Dũng	1.039.000.000	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại EG	146.459.823	990.000.000
- Purple Tomato Pte.Ltd (CPMG)	514.802.856	1.167.308.422
- Các đối tượng người bán khác	15.228.064.413	14.603.969.806
Cộng	29.007.041.792	28.625.210.678

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước của các bên liên quan	10.000.000	42.726.600
- Công ty CP Frit Huế	-	42.600.000
- Công ty CP Bê tông xây dựng Thừa Thiên Huế	10.000.000	126.600
Trả trước của các khách hàng khác	16.454.257.859	19.875.134.852
- BQL DA Đầu tư xây dựng và Phát triển Đô thị Tỉnh Thừa Thiên Huế	9.949.627.000	14.390.022.000
- Các đối tượng khác	6.504.630.859	5.485.112.852
Cộng	16.464.257.859	19.917.861.452

18. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	7.656.734.394	17.910.884.205
Cộng	7.656.734.394	17.910.884.205

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THÙA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**19. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước phí tư vấn, kiểm toán	75.000.000	475.672.707
Chi phí lãi vay phải trả	31.493.666	42.929.067
Trích trước tiền thuê đất	925.064.000	-
Trích giá vốn cho thuê KCN Phú Bài IV	87.962.962	-
Trích trước chi phí khác	17.356.603	15.395.085
Cộng	<u>1.136.877.231</u>	<u>533.996.859</u>

20. Doanh thu chưa thực hiện**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng KCN	20.794.098.535	4.362.992.110
Doanh thu cho thuê văn phòng	575.747.461	571.084.826
Doanh thu cung cấp bê tông thương phẩm	300.000.000	300.000.000
Cộng	<u>21.669.845.996</u>	<u>5.234.076.936</u>

b. Dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Doanh thu cho thuê cơ sở hạ tầng KCN	132.210.824.368	99.064.275.014
Doanh thu cung cấp bê tông thương phẩm	300.000.000	300.000.000
Cộng	<u>132.510.824.368</u>	<u>99.364.275.014</u>

21. Phải trả khác**a. Ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	-	-
Phải trả các đối tượng khác	<u>52.514.577.296</u>	<u>53.564.661.083</u>
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ	1.446.773.580	1.773.203.466
Cổ tức phải trả	1.366.017.900	2.159.705.900
BQL Dự án KCN Phú Bài	41.729.297.231	41.729.297.231
Phải trả đặt cọc thuê văn phòng	1.736.708.750	1.927.127.863
Phải trả các đối tượng khác	6.235.779.835	5.975.326.623
Cộng	<u>52.514.577.296</u>	<u>53.564.661.083</u>

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	18.004.315.758	13.904.103.133
Công ty CP Frit Huế	18.004.315.758	13.904.103.133
Phải trả các đối tượng khác	920.148.400	803.488.000
Nhận ký cược, ký quỹ dài hạn	920.148.400	803.488.000
Cộng	18.924.464.158	14.707.591.133

22. Vay và nợ thuê tài chính

a. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	912.429.976	912.429.976	4.775.187.573	4.775.187.573
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (a)	912.429.976	912.429.976	4.775.187.573	4.775.187.573
Vay dài hạn đến hạn trả	871.079.400	871.079.400	11.462.679.400	11.462.679.400
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (b)	871.079.400	871.079.400	2.630.679.400	2.630.679.400
- Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế	-	-	2.832.000.000	2.832.000.000
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	6.000.000.000	6.000.000.000
Cộng	1.783.509.376	1.783.509.376	16.237.866.973	16.237.866.973

b. Dài hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn ngân hàng	106.075.150	106.075.150	48.635.020.516	48.635.020.516
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (b)	106.075.150	106.075.150	5.721.878.736	5.721.878.736
- Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Thừa Thiên Huế	-	-	19.376.708.560	19.376.708.560
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	-	-	23.536.433.220	23.536.433.220
Cộng	106.075.150	106.075.150	48.635.020.516	48.635.020.516

(a) Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Huế theo Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 2023/HĐHM-CBG ngày 02/10/2023 với Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Huế. Tổng hạn mức cho vay là 10 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

vốn lưu động phục hoạt động sản xuất kinh doanh, thời gian duy trì hạn mức cho vay là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng. Lãi suất cho vay cụ thể theo từng giấy nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (xem Thuyết minh số V.11)

(b) Vay dài hạn ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam theo các hợp đồng tín dụng sau:

- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2021/MMTB-CBG ngày 24/08/2021. Tổng số tiền cho vay tối đa là 4.977.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị, phương tiện vận chuyển, hệ thống, thiết bị liên quan đến phòng cháy chữa cháy, trạm biến áp và xây dựng một số hạng mục nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.11)
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2020/MMTB-CBG ngày 19/10/2020. Tổng số tiền đã vay là 1.380.271.400. đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.11)
- Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 2019/DUAN-CBG ngày 20/11/2019. Tổng số tiền đã vay là 1.900.000.000 đồng. Mục đích vay: Đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị, xây dựng một số hạng mục nhà xưởng nhằm nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay. Lãi suất cho vay được điều chỉnh theo thông báo lãi suất của Ngân hàng và được ghi trên từng giấy nhận nợ. Lãi suất dư Nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn. Tài sản đảm bảo tiền vay là tài sản hình thành từ vốn vay (xem Thuyết minh số V.11)

23. Dự phòng phải trả

a. Ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng bảo hành công trình xây dựng	12.392.816.673	12.701.108.718
Cộng	12.392.816.673	12.701.108.718

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Dài hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng 5% chờ quyết toán các CT vốn NN	4.606.641.400	4.606.641.400
Dự phòng trợ cấp thôi việc	3.762.023.200	4.437.881.700
Dự phòng kinh phí cải tạo phục hồi môi trường	1.124.723.127	1.031.608.652
Cộng	<u>9.493.387.727</u>	<u>10.076.131.752</u>

24. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	11.420.970.583	7.022.313.000	(2.240.238.796)	16.203.044.787
Cộng	<u>11.420.970.583</u>	<u>7.022.313.000</u>	<u>(2.240.238.796)</u>	<u>16.203.044.787</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa Vũng Tàu	105.113.890.000	39,97%	97.804.630.000	37,19%
Công đoàn công ty	12.481.740.000	4,75%	12.481.740.000	4,75%
Vốn góp của các cổ đông khác	145.388.740.000	55,28%	152.698.000.000	58,06%
	262.984.370.000	100,00%	262.984.370.000	100,00%

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	262.984.370.000	262.984.370.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	262.984.370.000	262.984.370.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(3.309.544.000)	(43.108.403.400)
+ Tại Công ty mẹ	-	(39.447.655.500)
+ Tại các công ty con	(3.309.544.000)	(3.660.747.900)

d. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	26.298.437	26.298.437
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	26.298.437	26.298.437
- Cổ phiếu thường	26.298.437	26.298.437
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu thường	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	26.298.437	26.298.437
- Cổ phiếu thường	26.298.437	26.298.437
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**e. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	40.681.862.339	41.604.542.995
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	2.805.126.554	1.895.908.067
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(3.309.544.000)	(3.660.747.900)
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(529.200.081)	(596.815.920)
Số cuối kỳ	<u>39.648.244.812</u>	<u>39.242.887.242</u>

26. Khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ**

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>30/06/2025</u>	<u>01/01/2025</u>
Ngoại tệ các loại		
- USD	750,37	907,32

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (đơn vị tính: VNĐ)**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	82.773.793.881	76.698.154.173
Doanh thu dịch vụ xây lắp	34.599.702.126	45.593.307.734
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	31.343.876.786	32.566.454.828
Doanh thu hoạt động cho thuê bất động sản	9.645.694.143	10.568.443.634
Cộng	<u>158.363.066.936</u>	<u>165.426.360.369</u>

1b. Trong đó, doanh thu với các bên liên quan (Xem Thuyết minh VIII.1b)

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Doanh thu bán thành phẩm, hàng hóa	8.080.972.361	8.809.521.822
Doanh thu dịch vụ xây lắp	169.380.000	87.130.000
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	2.226.813.280	2.701.534.051
Cộng	<u>10.477.165.641</u>	<u>11.598.185.873</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Kỳ trước
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	66.048.106.737	60.954.899.000
Giá vốn của dịch vụ xây lắp	34.330.504.682	42.153.622.951
Giá vốn kinh doanh hạ tầng	15.172.217.861	12.505.488.567
Giá vốn hoạt động cho thuê bất động sản	4.272.966.351	2.022.351.509
Dự phòng bảo hành công trình	419.702.865	9.651.699.000
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.319.392.651	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(5.952.000)
Cộng	122.562.891.147	127.282.109.027

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.155.768.933	5.638.040.283
Cổ tức, lợi nhuận được chia	113.400.000	176.400.000
Lãi chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	58.454.844	55.797.202
Lãi chênh lệch tỷ giá cuối kỳ	6.443.380	27.720.267
Cộng	5.334.067.157	5.897.957.752

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí lãi vay	1.384.219.543	818.180.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá trong thanh toán	-	859.630
Cộng	1.384.219.543	819.040.127

5. Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí cho nhân viên	849.400.778	726.635.925
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.875.304.465	1.348.340.105
Chi phí bằng tiền khác	138.158.472	74.940.884
Cộng	2.862.863.715	2.149.916.914

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	11.064.801.391	11.021.142.222
Chi phí khấu hao TSCĐ	645.290.494	752.413.453
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.150.275.167	1.590.338.837
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	2.412.826.895	774.986.834
Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi	(1.000.000)	(9.741.569.945)
Chi phí bằng tiền khác	3.468.008.860	3.766.171.251
Cộng	18.740.202.807	8.163.482.652

7. Thu nhập khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lãi từ thanh lý tài sản cố định (a)	127.272.727	200.000.000
Thu phí tiện ích cho thuê văn phòng	1.463.171.929	1.587.110.278
Hoàn nhập bảo hành công trình xây lắp	74.952.248	7.625.837
Thu nhập từ đất bóc tầng phủ mỏ đá	143.894.532	-
Thu nhập khác	32.472.224	43.683
Cộng	1.841.763.660	1.794.779.798

(a) Là khoản lãi từ thanh lý tài sản cố định tại Công ty CP Vật liệu Xây dựng Lộc Điền

8. Chi phí khác

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí tiện ích cho thuê văn phòng	1.463.171.929	1.587.110.278
Lỗ do thanh lý, nhượng bán TSCĐ (a)	56.298.226	-
Phí liên quan đến cải tạo và thủ tục trả mỏ	205.725.058	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	300.000.000	11.578.106
Các khoản thuế truy thu, phạt vi phạm hành chính	62.376.093	68.135.927
Chi phí của giai đoạn dừng sản xuất	177.876.504	261.889.166
Chi phí thu hồi lại một phần diện tích đất đã cho thuê	-	3.068.981.052
Chi phí liên quan đến đất bóc tầng phủ mỏ đá	54.305.597	-
Chi phí khác	277.459.165	101.728.463
Cộng	2.597.212.572	5.099.422.992

(a) Là khoản lỗ do thanh lý TSCĐ tại Công ty CP Chế Biến Gỗ Thừa Thiên Huế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	26.099.208.115	32.986.407.161
- Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	(2.087.936.649)	(6.493.112.919)
+ Khoản chênh lệch lớn hơn giữa giá trị hợp lý của cổ phiếu phổ thông hoặc các khoản thanh toán khác thực hiện theo điều kiện chuyển đổi có lợi	-	-
+ Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.087.936.649)	(6.493.112.919)
- LN hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	24.011.271.466	26.493.294.242
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (Cổ phiếu)	26.298.437	26.298.437
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng /cổ phiếu)	913	1.007

(*) Quỹ khen thưởng phúc lợi được tạm tính từ lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2025 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-XL-ĐHCD ngày 28/04/2025 với tỷ lệ là 8%/lợi nhuận sau thuế TNDN.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	26.298.437	26.298.437
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	26.298.437	26.298.437

10. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
- Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	24.011.271.466	26.493.294.242
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:		
+ Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi	-	-
+ Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi	-	-
- Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	26.298.437	26.298.437
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	913	1.007

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Võ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23.380.926.679	48.357.050.545
Chi phí nhân công	31.872.921.376	40.755.552.556
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.523.375.484	9.257.601.350
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.553.272.451	31.078.180.278
Chi phí khác	13.499.413.207	11.667.011.703
Cộng	<u>94.829.909.197</u>	<u>141.115.396.432</u>

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**1. Tiền thu từ đi vay**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	-	39.593.590.464
Cộng	<u>-</u>	<u>39.593.590.464</u>

2. Tiền trả nợ gốc vay

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Tiền chi các khoản đi vay theo khế ước thông thường	62.983.302.963	15.468.760.797
Cộng	<u>62.983.302.963</u>	<u>15.468.760.797</u>

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	6 tháng đầu năm 2025			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	-	72.000.000
2	Lê Quý Định	P.Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	389.400.000	60.000.000	-	449.400.000
3	Trần Sỹ Chương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
4	Lê Viết Liên	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
5	Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
6	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng BKS	85.200.000	48.000.000	-	133.200.000
7	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
8	Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
9	Lê Văn Tài	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
10	Lê Đình Nam	Thành viên BKS	64.533.000	30.000.000	-	94.533.000
11	Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	169.800.000	-	-	169.800.000
12	Phan Văn Giáo	Giám đốc	95.040.000	-	-	95.040.000
13	Phạm Trường Lâm	Giám đốc	74.400.000	-	-	74.400.000
14	Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	118.800.000	-	-	118.800.000
15	Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	169.800.000	-	-	169.800.000
	Tổng cộng		1.166.973.000	480.000.000	-	1.646.973.000

STT	Thành viên Ban lãnh đạo	Chức danh	6 tháng đầu năm 2024			
			Lương, thưởng	Thù lao	Cổ tức	Cộng
1	Đoàn Hữu Thuận	Chủ tịch HĐQT	-	72.000.000	340.499.000	412.499.000
2	Lê Quý Định	P.Chủ tịch HĐQT kiêm TGD	389.400.000	60.000.000	630.996.650	1.080.396.650
3	Trần Sỹ Chương	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
4	Lê Viết Liên	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	35.474.900	95.474.900
5	Đoàn Hữu Hà Vinh	Thành viên HĐQT	-	60.000.000	-	60.000.000
6	Nguyễn Thị Kim Phụng	Trưởng BKS	68.678.300	48.000.000	13.832.950	130.511.250
7	Dương Thị Ngọc	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
8	Mai Thị Tuyết Lan	Thành viên BKS	-	30.000.000	-	30.000.000
9	Lê Văn Tài	Thành viên BKS	-	30.000.000	187.966.050	217.966.050
10	Lê Đình Nam	Thành viên BKS	80.500.000	30.000.000	-	110.500.000
11	Nguyễn Văn Quý	Giám đốc	161.081.700	-	206.866.300	367.948.000
12	Phan Văn Giáo	Giám đốc	118.800.000	-	96.979.800	215.779.800
13	Phạm Trường Lâm	Giám đốc	4.362.480	-	21.458.600	25.821.080
14	Nguyễn Thái Bình	Giám đốc	118.800.000	-	2.622.000	121.422.000
15	Lê Thị Khánh Vân	Giám đốc TC kiêm Kế toán trưởng	169.800.000	-	57.502.550	227.302.550
	Tổng cộng		1.111.422.480	480.000.000	1.594.198.800	3.185.621.280

Giao dịch các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

b. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty bao gồm: công ty liên kết, các công ty mà Công ty đang đầu tư vốn và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Tên Công ty	Mối quan hệ
Công ty CP Frit Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	Công ty liên kết
Công ty CP Xây dựng và ĐTPT Hạ tầng TTH	Công ty liên kết
Công ty CP Long Thọ	Công ty nhận đầu tư
Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	Cổ đồng

Doanh thu với các bên liên quan khác:

	Kỳ này	Kỳ trước
Doanh thu dịch vụ xây lắp	169.380.000	1.603.424.502
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	169.380.000	1.484.304.502
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	-	119.120.000
Doanh thu bán bán thành phẩm	8.080.972.361	17.776.426.813
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	8.077.381.620	17.776.426.813
Công ty CP Frit Huế	3.590.741	-
Doanh thu kinh doanh hạ tầng	2.226.813.280	2.646.713.446
Công ty CP Frit Huế	2.226.813.280	2.646.713.446
Cộng	10.477.165.641	22.026.564.761

Giao dịch với các bên liên quan khác:

Tên Công ty	Kỳ này	Kỳ trước
Mua hàng		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	6.898.462.512	9.021.536.298
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	-	-
Công ty Cổ phần Frit Huế	669.400.425	1.681.868.930
Nhận cổ tức		
Công ty CP Long Thọ	176.400.000	176.400.000
Chi trả cổ tức		
Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	14.670.694.500	-
Giao dịch khác (Lãi cho vay)		
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	-	64.390.000

Số dư với các bên liên quan khác:

Tên Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	573.884.173	573.884.173
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	2.825.294.451	2.342.313.127
Công ty CP Frit Huế	32.979.844.774	-
Trả trước cho người bán		
Công ty CP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	73.792.190.407	73.792.190.407
Công ty CP Frit Huế	69.525.749	7.771.779

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tên Công ty	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về cho vay		
Công ty CP Kinh doanh Nhà Thừa Thiên Huế	848.963.068	848.963.068
Phải trả người bán		
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	4.041.210.362	5.263.871.362
Công ty CP XD & ĐTPT Hạ tầng TTH	2.510.343.786	2.510.343.786
Công ty CP Kinh doanh Nhà TT Huế	44.616.000	44.616.000
Người mua trả tiền trước		
Công ty CP Frit Huế	-	42.600.000
Công ty CP Bê tông và Xây dựng Thừa Thiên Huế	10.000.000	126.600
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		
Công ty CP Frit Huế	18.004.315.758	13.904.103.133

2. Báo cáo bộ phận

- Trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động bán hàng	Hoạt động xây lắp	Hoạt động kinh doanh hạ tầng	Hoạt động kinh doanh BĐS	Cộng
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	82.773.793.881	34.599.702.126	31.343.876.786	9.645.694.143	158.363.066.936
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	82.773.793.881	34.599.702.126	31.343.876.786	9.645.694.143	158.363.066.936
Giá vốn bộ phận	68.367.499.388	34.750.207.547	15.172.217.861	4.272.966.351	122.562.891.147
Lợi nhuận gộp bộ phận	14.406.294.493	(150.505.421)	16.171.658.925	5.372.727.792	35.800.175.789
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	76.698.154.173	45.593.307.734	32.566.454.828	10.568.443.634	165.426.360.369
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	76.698.154.173	45.593.307.734	32.566.454.828	10.568.443.634	165.426.360.369
Giá vốn bộ phận	60.948.947.000	51.805.321.951	12.505.488.567	2.022.351.509	127.282.109.027
Lợi nhuận gộp bộ phận	15.749.207.173	(6.212.014.217)	20.060.966.261	8.546.092.125	38.144.251.342

- Trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Tập đoàn đều được thực hiện tại Việt Nam.

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ tài chính 6 tháng kết thúc ngày 30/06/2024 đã được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt tại Đà Nẵng. Riêng chỉ tiêu Lãi cơ bản, lãi suy giảm trên cổ phiếu kỳ trước được điều chỉnh lại

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP THỪA THIÊN HUẾ

Số 72, đường Phạm Văn Đồng, phường Vỹ Dạ, thành phố Huế, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

do căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/2025/NQ-XL-ĐHCD ngày 28/04/2025 điều chỉnh về phân phối các Quỹ khen thưởng, phúc lợi so với số tạm tính nên chỉ tiêu này được trình bày lại như sau:

CHỈ TIÊU	Mã số	Số liệu so sánh trên BCTC	Số liệu so sánh trình bày lại	Chênh lệch
1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.154	1.007	147
2. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	1.154	1.007	147

4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục

Không có những yếu tố đưa đến sự nghi ngờ về khả năng hoạt động kinh doanh liên tục của Tập đoàn và các biện pháp, cam kết đảm bảo cho sự hoạt động trong thời gian tới của Tập đoàn.

5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 17/06/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đã có Thông báo số 1108/TB-SGDHCM về ngày đăng ký cuối cùng để trả cổ tức bằng cổ phiếu là ngày 25/06/2025. Ngày 01/07/2025 công ty lập báo cáo số 03/BC-CTXL báo cáo kết quả đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2024. Ngày 31/7/2025, Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM đã có Quyết định số 676/QĐ-SGDHCM về việc thay đổi đăng ký niêm yết. Theo đó, số lượng chứng khoán sau khi thay đổi niêm yết là 30.242.878 cổ phiếu có hiệu lực từ ngày 04/08/2025. Công ty cũng đã thực hiện thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 14 ngày 16/07/2025 với vốn điều lệ là 302.428.780.000 đồng.
- Ngày 24/06/2025, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ cổ phần nắm giữ tại công ty con là Công ty cổ phần chế biến Gỗ Thừa Thiên Huế. Thời gian hoàn thành thủ tục chuyển nhượng là ngày 03/07/2025.

Ngoài ra, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Thừa Thiên Huế, ngày 18 tháng 08 năm 2025


LÊ THỊ KHÁNH VÂN
Người lập biểu
LÊ THỊ KHÁNH VÂN
Kế toán trưởng
LÊ QUÝ ĐỊNH
Tổng Giám đốc